

Số: 21/2019/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:
Bà **Phạm Thị Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định mở phiên họp số 12/2019/QĐMPH-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 10/11/1978.

Địa chỉ: Khu dân cư X, phường M, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Chị **Trần Thị Phương Th**, sinh ngày 16/8/1984.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Khu 3 phường B, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Angola.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: Số nhà ... ngõ ... T, khu 3 phường B, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Anh S, chị Th, chị L vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị Th trình bày vợ chồng tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 03/02/2005 cùng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là phường M), thành phố H D. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống cùng gia đình anh S được khoảng 03 năm thì ra ở riêng. Sau khi ra ở riêng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng anh chị đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xuyên xô xát, cãi nhau. Năm 2012 chị Th đi lao động tại Angola, tuy có nhiều lần về thăm gia đình nhưng không quan tâm gì tới anh S, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay và cũng không liên lạc với nhau. Đến nay anh S và chị Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh S và chị Th có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/02/2006, hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ chị Th. Khi ly hôn anh chị thống nhất chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian chị Th không ở Việt Nam thì chị nhờ bố mẹ đẻ của chị chăm sóc con chung Nguyễn Thanh T, chi phí chăm sóc giữa chị và gia đình tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Con chung Nguyễn Thanh T cũng có nguyện vọng được ở với chị Trần Thị Phương Th và nhất trí ở cùng với ông bà ngoại khi chị Th không có ở Việt Nam.

Ông Trần Quốc T, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1963; cư trú tại: Số nhà .. ngõ .. K, khu 3 phường B, thành phố H D, tỉnh Hải Dương là bố mẹ đẻ của chị Th. Ông T và bà H đồng ý thay chị Th chăm sóc cháu T trong thời gian chị Th không ở Việt Nam. Chi phí chăm sóc do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về quan hệ tài sản chung: Anh S và chị Th cùng xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh S tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chi phí giám định.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về hướng giải quyết: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh S và chị Th. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của anh Sinh và chị Thanh, giao cháu con chung là Nguyễn Thanh T cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và do bố mẹ đẻ chị Th là ông T, bà H chăm sóc thay trong thời gian chị Th không ở Việt Nam, chi phí chăm sóc do các bên tự thỏa thuận nên không xem xét. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (TAND tỉnh Hải Dương) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh S và chị Th yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn. Cả hai đều có hộ khẩu thường trú ở tỉnh Hải Dương, chị Th hiện đang sinh sống ở Angola nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), TAND tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Th không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nhưng đã được giám định chữ ký so với chữ ký của chị Th trong Giấy chứng nhận kết hôn bản gốc và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và được kết luận là do cùng một người ký, viết ra nên được công nhận là hợp pháp.

Tại phiên họp anh S, chị Th, chị L vắng mặt nhưng đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị Th trình bày vợ chồng tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 03/02/2005 cùng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là phường M), thành phố H D nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, thường xuyên xô xát, cãi nhau. Năm 2012 chị Th đi lao động tại Angola, tuy có nhiều lần về thăm gia đình nhưng vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ lâu. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Xét thấy thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng con chung và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận, giao con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/02/2006 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và do bố mẹ đẻ của chị Th là ông T, bà H chăm sóc thay trong thời gian chị Th không ở Việt Nam, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chi phí chăm sóc cháu T do ông T, bà H và Th tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Anh S có quyền chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về chi phí giám định: Anh S tự nguyện chịu cả, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí: Anh S tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 371, khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Phương Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Phương Th về việc chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/02/2006 đến khi con chung đủ 18 tuổi và do Trần Quốc T, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1963; cư trú tại: Số nhà ... ngõ .. K, khu 3 phường B, thành phố HD, tỉnh Hải Dương chăm sóc thay trong thời gian chị Th không ở Việt Nam. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Nguyễn Văn S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn S về việc chịu cả lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng do anh S đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2017/0004883 ngày 04/12/2018.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 12/4/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh HD;
- UBND phường Tân Bình, phường Tứ Minh, TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân